

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-PT
Ngày 25/11/2021
“*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Ứng;

Bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLPT-DS về ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 10a, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Ông Dương Văn N (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020) – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q – Có mặt và bà Phan Thị H1 – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của, bà H1: Ông Nguyễn Văn Q.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q: Luật sư Nguyễn Trọng N – Văn phòng luật sư Thiên Lý.

Địa chỉ: Số 41 L, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt, từ chối bảo vệ.

- Anh Nguyễn Văn T – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị H2 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10a, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hải: Ông Dương Văn N (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2021) – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Duy V – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2/ Bà Đỗ Thị H3 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3/ Ông Hồ Văn K – Có mặt.

Địa chỉ: Bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị H2 là ông Dương Văn N trình bày:

Ông Nguyễn Văn Q là em ruột của ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Q đều không có đăng ký kinh doanh đối với mặt hàng phân bón nhưng từ năm 2014 đến năm 2018, ông Nguyễn Văn H đã nhiều lần lấy phân bón từ công ty V bán cho ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị H1 (vợ ông Q), anh Nguyễn Văn T (con ông Q). Mỗi lần mua phân bón thì ông Q, bà H1 chưa thanh toán tiền ngay mà ghi vào sổ rồi thanh toán sau. Thỏa thuận miệng tiền lãi đối với số tiền ông Q, bà H1, anh T là 20%/năm.

Tính đến ngày 07/5/2018, tổng số tiền mà ông Q, bà H1, anh T còn nợ là 1.644.250.000đ (*Một tỉ sáu trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên, khi tính số tiền còn lại và tính tiền cước vận chuyển có sự nhầm lẫn nên ghi còn lại là 1.481.000.000đ (*Một tỉ bốn trăm tám mươi một triệu đồng*).

Thỏa thuận thời hạn thanh toán trước năm 2018. Từ ngày 03/7/2017 đến nay, ông H liên tục hối thúc ông Q, bà H1, anh T thanh toán tiền mua phân bón cho ông nhưng ông Q, bà H1, anh T không thanh toán một lần mà thanh toán thành nhiều lần, bao gồm cả những lần ông H trừ tiền cước vận chuyển (ông H không nhớ số tiền từng lần ông Q, bà H1, anh T đã trả và trừ tiền cước vận chuyển). Hiện nay, tổng số tiền ông Q, bà H1, anh T chưa thanh toán cho ông H là 686.000.000đ (*Sáu trăm tám mươi sáu triệu đồng*). Do đó, ông H khởi kiện, yêu cầu ông Q, bà H1, anh T phải trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 686.000.000đ (*Sáu trăm tám mươi sáu triệu đồng*) và tiền lãi, cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 04/7/2017 đến ngày 12/3/2021 là 44 tháng 8 ngày đối với số tiền 522.000.000đ với mức lãi suất 20%/năm là 385.120.000đ và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ông không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền 164.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.071.120.000đ. Đây là số tiền chung của ông và vợ là bà Nguyễn Thị H2.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và đại diện theo ủy quyền trình bày: Giữa ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 không thiết lập giao dịch mua bán hay vay mượn gì với ông Nguyễn Văn H. Do ông Nguyễn Văn Q là em ruột của ông Nguyễn Văn H nên đã giới thiệu người dân mua phân của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Q cũng cho những người này vay tiền để đầu tư chăm sóc cây trồng. Ông Nguyễn Văn Q chỉ giúp ông Nguyễn Văn H chứ không hưởng hoa hồng. Ông Q thừa nhận các chữ ký xác nhận trong các giấy xác nhận do ông H cung cấp là chữ ký của ông và bà H1, tuy nhiên, đây là nội dung xác nhận giữa ông H và ông Q đối với một số người dân trên địa bàn huyện Krông Nô còn nợ tiền phân của ông H và nợ tiền đầu tư của ông Q. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Q, bà H1 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Tại cấp sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh T không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại cấp phúc thẩm, anh T trình bày: Từ trước đến nay anh T ở cùng với bố, mẹ là ông Q, bà H1, phụ giúp gia đình làm rẫy và việc nhà. Chuyện mua bán phân giữa bố, mẹ anh với bác H thì anh không biết, không tham gia. Có những lúc ông Q bận công việc thì có nhờ anh T đem tiền về đưa cho ông H. Cụ thể các lần sau: Lần thứ nhất vào ngày 22/01/2017 có đưa số tiền của bố anh đưa cho ông H là 600.000.000 đồng và có ký sổ; lần thứ hai vào khoảng giữa tháng 05/2018 khi anh có về ông bà nội chơi thì bố có đưa cho anh đem số tiền 65.000.000 đồng đưa về

cho bác H nhưng không ký sổ; lần thứ ba là vào ngày 12/6/2019, nhân dịp về mời đám cưới thì bố có đưa cho anh số tiền 115.000.000 đồng về đưa cho bác H và có ký nhận vào sổ trong đó có số tiền 65.000.000 tiền phân của ông Hạnh và 50.000.000 đồng tiền bố anh mượn làm nhà. Do đó, anh T hoàn toàn không liên quan đến việc mua bán phân giữa bố anh với ông H nên không đồng ý việc ông H khởi kiện buộc anh T trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Q, bà H1, anh T phải trả cho ông H, bà H2 số tiền còn nợ là 622.000.000đ, tiền lãi chậm trả của số tiền gốc 522.000.000đ tính từ ngày 19/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng là 190.189.000đ. Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 100.000.000đ. Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền cước đã tính nhầm là 58.300.000đ.

Tại bản án số: 40/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1, anh Nguyễn Văn T trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H2 số tiền 622.000.000đ (Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 58.300.000đ (Năm mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi số tiền 190.198.000đ (Một trăm chín mươi triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính đối với hành vi kinh doanh phân bón không có giấy phép đăng ký kinh doanh của ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng: Qua nhiều lần đối chiếu công nợ được hai bên xác nhận đến ngày 07/5/2018 là số tiền 422.000.000 đồng vấn đề này cũng được ông H thừa nhận. Tuy nhiên, sau thời điểm này thì phía ông Q còn trả thêm cho ông H nhiều lần. Cụ thể: Ngày 08/5/2018 chuyển

trả số tiền 200.000.000 đồng thông qua giao dịch chuyển khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Krông Nô và ngày 12/6/2019 có đưa cho T đem về trả trực tiếp 65.000.000 đồng tiền phân của ông H3 nhưng chưa được ông H thống kê và trừ ra số nợ còn lại. Đối với số tiền 200.000.000 đồng ông H cho rằng do quá trình tính toán nhầm là không có căn cứ vì sau khi trừ đi các khoản thì hai bên thống nhất ký chốt nợ và việc tính toán là do ông H tính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh phải có trách nhiệm liên đới trả tiền phân cho ông H là không có căn cứ vì anh không liên quan gì đến việc mua bán phân này. Anh chỉ là người đem tiền phân do ông Q đưa để trả cho ông H giúp bố và có ký xác nhận phía dưới. Hơn nữa, thời điểm đó anh còn đang học phổ thông nên không thể biết được việc mua bán phân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Việc cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự sửa đơn và thụ lý yêu cầu phản tố mặc dù ông Q có đơn là vi phạm điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; Sau khi hòa giải vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T nhưng cấp sơ thẩm không công bố kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt tại phiên họp là vi phạm khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ngoài ra biên bản phiên họp có vi phạm về mặt thời gian; chứng cứ của nguyên đơn cung cấp có sự tẩy xóa, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giám định để làm rõ. Mặt khác, cấp sơ thẩm buộc anh T cùng có trách nhiệm trả số tiền 622.000.000 đồng cho ông H khi chưa đối chất làm rõ số lần anh T lấy phân tương ứng với số tiền bao nhiêu là không có cơ sở.

Do đó, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T, hủy bản án sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định. Đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện ông H và ông Q là anh em ruột với nhau, nên nhiều lần ông H giao phân cho ông Q đi bỏ cho các hộ dân, ông Q thu tiền và sau đó giữa ông H với ông Q mới gặp tính toán

và ký xác nhận công nợ. Việc xác nhận cụ thể từng lần nhận phân và số tiền thể hiện trong 05 giấy ô ly mà ông H đã cung cấp cho Tòa án. Ông H thừa nhận các chữ số là do ông ghi và tự tính toán, ông Q, bà H1 thì thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các mục xác nhận trong 05 giấy ô ly mà nguyên đơn cung cấp là chữ ký, chữ viết của ông bà sau khi ông H ghi công nợ. Anh T thì thừa nhận sau khi đem tiền về trả cho ông H thì cũng có ký xác nhận vào giấy này. Do đó, cần xác định đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về số tiền tăng thêm 200.000.000 so với giấy xác nhận nợ mà phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 622.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở, bởi lẽ: Tổng số tiền được liệt kê trong các tờ giấy kê ô ly qua các đợt, các năm đều được hai bên thống nhất và được ông Q ký xác nhận nợ. Theo đó, tổng số tiền còn lại đến ngày **07/5/2018** được tổng kết theo giấy xác nhận công nợ năm 2018 (B1 số 91) là **422.000.000** đồng nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa phía nguyên đơn cho rằng số tiền nợ là 622.000.000 đồng chứ không phải 422.000.000 đồng vì do tính toán nhầm hai đợt vào các năm 2017 và năm 2018. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của phía nguyên đơn và không được phía bị đơn thừa nhận vì tại giấy xác nhận nợ lần cuối cùng thể hiện sau khi thống nhất công nợ thì được phía ông Q ký xác nhận đối với số tiền còn lại. Cụ thể: Số tiền tính đến ngày **12/2/2018** là 737.000.000 (Người tính toán và viết ra là ông H và đã được ông Q, bà H1 ký xác nhận); số tiền tính đến ngày 07/5/2018 được ông H liệt kê và thừa nhận là 422.000.000 đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã cộng thêm số tiền 200.000.000 đồng phía nguyên đơn cho rằng do tính toán nhầm là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn ông Q cung cấp một giấy nộp tiền qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Không Nô với nội dung “*chuyển tiền phân*” với số tiền 200.000.000 đồng và người nhận là ông Nguyễn Văn H vào ngày 08/5/2018. Do đó, cần phải xác định tính đến ngày 07/5/2018 số tiền nợ được ông H tổng kết vào giấy công nợ là 422.000.000 đồng nhưng ông H chưa trừ số tiền ông Q đã chuyển trả 200.000.000 ngày sau đó là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Mặt khác, tại mặt sau của giấy xác nhận công nợ (B1 91) thì ngày 12/6/2019 anh Nguyễn Văn T có đem về trả cho ông H thêm 65.000.000 đồng với nội dung “*Cháu T có đưa cho bác H 65.000.000 tiền ông Hạnh chuyển qua cho bác*”. Tại cấp phúc thẩm ông H cũng thừa nhận số tiền 65.000.000 này là do ngày 12/6/2019 anh T đem tiền phân của ông Hạnh (ông H không biết mặt ông Hạnh) về đưa cho ông H, số tiền này được ông H thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm là dùng để trả cho số nợ mà ông Q nợ tiền phân của ông H. Tuy nhiên nội dung chuyển

trả tiền này cũng chưa được ông H trừ ra số nợ cũng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

[5]. Như vậy, từ những phân tích tại tiểu mục [3], [4], thì thấy số tiền ông Q, bà H1 còn nợ lại đối với ông H là $422.000.000 - 200.000.000 - 65.000.000 = 157.000.000$ đồng. Do đó, cần buộc ông Q, bà H1 phải trả cho ông H số tiền 157.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Cấp sơ thẩm buộc anh Nguyễn Văn T cùng trả số tiền nợ đối với ông H là chưa có căn cứ vì theo lời khai của anh T thì cho rằng chỉ trả tiền giúp ông Q chứ không tham gia đến công việc mua bán phân giữa ông H với ông Q và chưa nhận bất cứ khoản tiền công, tiền hoa hồng nào từ ông H. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm ông H cũng thừa nhận chỉ có thỏa thuận việc mua bán phân trực tiếp thông qua ông Q chứ không phải anh T. Mặt khác, tại giấy xác nhận công nợ (B1 91) thể hiện có nội dung “*Cháu T có đưa cho bác H 65.000.000 tiền ông Hạnh chuyển qua cho bác*” nên đây là căn cứ thể hiện rõ nội dung không có việc anh T mua bán phân với ông H mà chỉ là người chuyển trả tiền phân giúp cho ông H cũng như chuyển trả tiền nợ làm nhà cho ông H. Do đó, không có căn cứ để buộc anh T cùng có trách nhiệm trả tiền với ông Q, bà H1.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của phía bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn phản tố ông Q, bà H1 yêu cầu Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây chỉ là ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án đang thụ lý xem xét chứ không phải yêu cầu phản tố theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu đề nghị Tòa án làm văn bản kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh để khởi tố nguyên đơn về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì đối với yêu cầu này ông Q, bà H1 có thể làm đơn tố giác gửi đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm ông Q đã rút lại yêu cầu phản tố này. Vì vậy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm vì lý do này.

Đối với nội dung cho rằng sau khi hòa giải vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T nhưng cấp sơ thẩm không công bố kết quả phiên họp cho anh T là vi phạm khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc cấp sơ thẩm sau khi hòa giải vắng mặt anh T nhưng không thông báo kết quả hòa giải cho anh T là có sự sai sót. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 14/7/2021, cấp sơ thẩm đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do vắng mặt anh T và việc hòa giải không liên quan đến nội dung của anh T nên xét thấy không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến gì đối với vấn đề hòa giải nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cần nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Đối với nội dung cho rằng cấp sơ thẩm buộc anh T cùng có trách nhiệm trả số tiền 622.000.000 đồng cho ông H nhưng chưa đối chất làm rõ số lần anh T lấy

phân tương ứng với số tiền bao nhiêu. Vấn đề này tại phiên tòa phúc thẩm đã được làm rõ như đã nhận định tại mục [6] là anh T chỉ thừa nhận chỉ trả giúp bố và ông H cũng không chứng minh được anh T có giao dịch mua bán phân với ông H.

Đối với nội dung cho rằng chứng cứ của nguyên đơn cung cấp có sự tẩy xóa, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giám định để làm rõ. Hội đồng xét xử xét thấy: Các lời khai của ông H đều thừa nhận có một số nội dung là chữ số có sự tẩy xóa là do ông tô đậm thêm con số và thừa nhận việc này chứ không phải do tẩy xóa thay đổi con số. Hơn nữa, các con số là do ông H tự tính toán và viết ra và đã được ông H, ông Q và bà H1 thừa nhận và ký xác nhận qua các đợt tính toán công nợ nên đây là tính tiết, sự kiện không phải chứng minh như theo nhận định tại mục [2] nêu trên. Đối với nội dung tại cấp phúc thẩm ông Q có cung cấp thêm một giấy nộp tiền thì đây là tình tiết mới và đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá, làm rõ.

[8]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm còn có một số sai sót, tuy nhiên những sai sót này tại cấp phúc thẩm có thể bổ sung, khắc phục được nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô về số tiền phải trả và án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H trả cho ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 khoản 2 Điều 244, Điều 147, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 288, Điều 430, Điều 440 của của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị H1 phải liên đới trả cho ông Nguyễn

Văn H và bà Nguyễn Thị H2 số tiền 157.000.000đ (*Một trăm năm mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải liên đới cùng với ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị H1 trả số tiền nợ do mua bán phân với ông Nguyễn Văn H.

3. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 58.300.000đ (*Năm mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng*).

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 465.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) và không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi số tiền 190.198.000đ (*Một trăm chín mươi triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

5. Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính đối với hành vi kinh doanh phân bón không có giấy phép đăng ký kinh doanh của ông Nguyễn Văn H.

6. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

6.1. Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 phải nộp 7.850.000đ (*Bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp 32.759.900 (*Ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H đã nộp 22.067.000đ (*Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0004093 ngày 19/3/2021. Ông Nguyễn Văn H còn phải nộp bổ sung số tiền 10.692.900đ (*Mười triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn chín trăm đồng*).

7. Án phí dân sự phúc thẩm: H trả cho ông Nguyễn Văn Q, bà Phan Thị H1 và anh Nguyễn Văn T mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0004290, 0004291, 0004292 ngày 28/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Bùi Danh Đại